

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HS-ST

Ngày: 20 - 03 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI- TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hành.

Các hội thẩm nhân dân: bà Phan Thị Anh Kim và bà Trần Thị Huyền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Công Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 06-02-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 đối với:

- ***Bị cáo:*** Lê Thanh H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03/8/1975, tại tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; HKTT: thôn 1, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh K; Chỗ ở hiện tại: 198 N, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh N; Số CMND: 233084071, nơi cấp CA tỉnh Kon Tum; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Bình N, sinh năm 1941 và bà Vũ Thị D, sinh năm 1949 (đã chết); Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là thứ hai trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Thanh H; Con: 02 con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2023 đến ngày 23/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:***

+ Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1992; Nơi đăng ký HKTT: thôn 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Nơi ở hiện tại: Trại giam G, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Đặng Anh T, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 3, khu vực B, thành phố Q, tỉnh B; Vắng mặt.

+ Anh Xa Văn H, sinh năm 1996; Địa chỉ: thôn B, xã P, huyện N, tỉnh K; Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999; Địa chỉ: thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Lê Thanh H, sinh năm 1975, trước đây cán bộ công tác trong ngành Tòa án, cư trú: thôn 1, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh K, có quen biết anh Đặng Anh T, sinh năm 1979, cư trú tại thành phố Q, tỉnh B. Sau khi, H nghỉ việc tại Tòa án nhân dân huyện K thì H và T vẫn chơi và liên lạc qua lại với nhau. Trong thời gian đó, T có quen biết và qua lại chơi với Nguyễn Văn U, sinh năm: 1992, cư trú tại thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh K.

Ngày 21/4/2022, U là bị cáo tại ngoại bị Tòa án nhân dân huyện N tuyên phạt hình phạt tù 08 năm về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đến ngày 30/5/2022 Tòa án nhân dân huyện N có quyết định thi hành hình phạt tù đối với người bị xử phạt tù đang tại ngoại. Ngày 03/6/2022, U có đơn xin hoãn hình phạt tù, nhưng ngày 10/6/2022 Tòa án nhân dân huyện N có thông báo cho Ủy ban biết là U không đủ điều kiện hoãn chấp hành hình phạt và yêu cầu U trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phải có mặt tại cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện N để chấp hành án.

Trong thời gian chờ chấp hành án, vào khoảng tháng 6/2022, U và vợ là Đỗ Thị H, Đặng Anh T nhậu tại nhà của vợ chồng Xa Văn H, Nguyễn Thị N thuộc thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh K. Trong lúc nhậu thì U nói hiện đang bị Tòa án nhân dân huyện N kết án sắp phải thi hành án phạt tù, hiện muốn hoãn thi hành án và hỏi T có quen biết ai xin hoãn thi hành án được không. T nói có quen biết Lê Thanh H công tác trong ngành Tòa án, để U liên lạc với H xem có nhờ được hay không. Sau khi nhậu xong U và T về nhà của U ở gần đó. Lúc đầu T gọi cho H nhưng H thấy số lạ nên không nghe máy. T nhắn tin cho H với nội dung “Anh H em T đây, em có thằng em bị tòa xử phạt tù, đang xin hoãn thi hành án mấy tháng để sắp xếp việc gia đình, anh có giúp được hay không”. Một lúc sau, H đọc được tin nhắn biết đó là T nên đã chủ động gọi đến cho T và nói là xin hoãn thi hành án được. Qua điện thoại T nói với H để T cho U số điện

thoại của H để U tự liên hệ, sau đó thì T đưa số điện thoại của H là 0889106220 cho U. T sau khi cho U số điện thoại của H thì đi làm ăn tại Lào.

Khi có số điện thoại của H, U gọi điện cho H và nói về nội dung xin hoãn thi hành án thì H nói “cái này anh lo được, sao mà không nói với anh sớm, anh lo cho mà cả năm cũng được”.

Sáng ngày 11/6/2022, H gọi điện cho U và đề nghị U chuyển cho H một số tiền để lo việc hoãn thi hành án, đồng thời H cho U số tài khoản của H 0761002361592, thuộc Ngân hàng Vietcombank, để U chuyển tiền. U đã dùng tài khoản của chị H chuyển cho H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) thông qua ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại. Ngày 13/6/2022, H tiếp tục gọi điện cho U và nói “hôm trước anh dẫn mấy người trên tỉnh đi nhậu hết hơn hai triệu rồi, bây giờ em gửi thêm 12.000.000 đồng nữa, cộng thêm 3.000.000 đồng dư trước đó là 15.000.000 đồng, anh lo việc hoãn thi hành án”. Trong ngày, U tiếp tục dùng tài khoản của chị H chuyển thêm cho H số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) vào số tài khoản Hải cho lúc đầu cũng với hình thức qua ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại.

Sau một thời gian chuyển tiền cho H, U vẫn không được hoãn thi hành án. Ngày 22/6/2022, U đã tự nguyện đến làm thủ tục chấp hành hình phạt tù tại nhà tạm giữ Công an huyện Ngọc Hồi. U nói chị H yêu cầu H trả lại tiền. Chị H đã nhắn tin đòi lại tiền nhưng H không trả lại và có dấu hiệu né tránh.

Không đòi được tiền từ H nên Ho đã liên hệ với T (lúc đó đang làm ăn tại Lào) nói là đã chuyển tiền cho H nhưng U vẫn không được hoãn thi hành án. Trước đó U nói với Ho khi nào đưa tiền cho H thì nói với T để T nhắc nhở H có trách nhiệm, nên khi nghe Ho nói về sự việc thì T nói sao đưa tiền cho H mà không nói cho T biết. Ho nói H căn dặn là không nói cho T biết về việc vợ chồng Ho đưa tiền cho H. T nói với chị Ho là đòi tiền từ từ, đồng thời nhắn tin cho H với nội dung không giúp gì được cho U thì trả lại tiền cho chị H. H nhắn lại, nói dối là đã chuyển tiền cho một cán bộ nhưng người này đang đi công tác ở B, khi nào người này về sẽ trả lại (thực chất số tiền trên H sử dụng vào mục đích cá nhân). Nghi ngờ thông tin H đưa ra là không đúng sự thật nên T đề nghị H đưa số điện thoại và tên người nhận tiền nhưng H né tránh. Sau nhiều lần phối hợp với chị Ho để đòi lại tiền nhưng H không trả nên T hướng dẫn chị Ho gửi đơn tố giác đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N.

Do H trốn tránh làm việc nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Ngọc Hồi đã ra quyết định truy tìm đối với H. Đến khoảng tháng 03/2023, sau nhiều lần chị Ho hỏi lấy lại tiền và sợ bị cơ quan chức năng xử lý nên H đã chuyển trả lại trước cho Ho số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng), số tiền

4.000.000đồng (bốn triệu đồng) còn lại H hứa với Ho sẽ hoàn trả lại cho Ho trong tháng 11/2023. Ngày 19/11/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện N xác minh, tìm thấy và làm việc với H. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra Lê Thanh H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Lê Thanh Hải về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định việc truy tố đối với Lê Thanh H là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thanh H mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 của Lê Thanh H vì đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội;

+ Tuyên trả lại cho chị Đỗ Thị Ho 01 điện thoại di động Iphone X, đây là tài sản chị Ho giao nộp cho Cơ quan CSĐT công an huyện Ngọc Hồi, phục vụ điều tra vụ án.

Về án phí: Đề nghị căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh H thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Thanh H: Thừa HĐXX bị cáo đã thấy hành vi của mình là phạm pháp luật, gia đình có con còn nhỏ, hiện nay bố đang bị tai biến nằm viện, bị cáo bị bệnh U gan lan tỏa, xơ gan, lách to, sỏi túi mật nên mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện chăm sóc bố già và có thời gian chữa trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hồi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bị hại anh Nguyễn Văn Ú, chị Đỗ Thị Ho và người làm chứng anh Xa Văn H, chị Nguyễn Thị N được Tòa án triệu tập nhưng đều không có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng anh Đặng Anh T vắng mặt không có lý do. Xét thấy quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến với những người vắng mặt đã được cơ quan Điều tra làm rõ, họ có đơn xin xét xử vắng mặt, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên. Căn cứ vào Điều 192 về sự vắng của đương sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng đối với bị cáo*: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh H khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Văn Ú biết và nhờ Lê Thanh H để được hoãn thi hành án phạt tù. Lê Thanh H đã đưa ra thông tin không đúng sự thật là sẽ giúp anh Nguyễn Văn Ú được hoãn thi hành án. Sau đó, H đã đề nghị U chuyển cho H một số tiền vào tài khoản của mình hai lần với tổng số tiền hai là 17.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền từ chị Ho, anh Ú bị cáo Lê Thanh H đã có ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để dùng vào mục đích cá nhân, chỉ đến khi cơ quan chức năng làm việc H mới trả lại cho bị hại số tiền mình chiếm đoạt, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã hoàn thành.

Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi truy tố Lê Thanh H theo điều luật vừa nêu, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đưa ra thông tin giả, không đúng sự thật cho bị hại, hình thức nhắn tin qua ứng dụng Zalo về việc bị cáo sẽ xin cho anh Ú được hoãn chấp hành hình phạt tù, làm cho người bị hại tin đó là sự thật và đã chuyển khoản 02 lần vào tài khoản của Lê Thanh H với tổng số

17.000.000đ, sau khi nhận được tiền bị cáo đã cố tình trốn tránh và cố tình chiếm đoạt số tiền đó để dùng vào cho cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự và đời sống của nhân dân. Vì vậy, cần xử phạt một mức án nghiêm minh để răn đe, giáo dục đối bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng - giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Lê Thanh H không bị áp dụng về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần này là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường lại cho bị hại số tiền 17.000.000đ và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo có bố là Lê Bình N và mẹ là Vũ Thị D được nhà nước tặng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, áp dụng cho bị cáo được hưởng giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, sớm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về áp dụng hình phạt: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên không cần phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo được việc giáo dục cải tạo bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 36 cho bị cáo. Hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bị cáo đang nuôi bố già và nuôi hai con còn nhỏ, nên miễn khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thanh H đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại là 17.000.000đ, người bị hại cũng không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra về trách nhiệm dân sự.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Iphone 6 (màu trắng, dung lượng 16GB (số máy: MG482J/A, số seri: F78P8SS9G5MP, số Imel: 358374064544940), máy đã qua sử dụng. Xét thấy, đây là chiếc điện thoại bị cáo Lê Thanh H dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Iphone X, màu trắng, dung lượng 64GB (số máy: MQAY2JA, số seri: F2LW92GYJCLL, máy đã qua sử dụng, đây là chiếc điện thoại của chị Đỗ Thị Ho nộp lại cho Cơ qua CSĐT công

an huyện Ngọc Hồi phục vụ cho công tác điều tra, là tài sản hợp pháp của chị Ho không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho chị Đỗ Thị Ho.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 36 Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 21/11/2023 đến ngày 23/01/2024 là 64 ngày tương ứng với 06 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ), được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Lê Thanh Hải phải chấp hành là 05. (năm) tháng 18 (mười tám) ngày.

Giao các bị cáo Lê Thanh H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đăk Rve, huyện K, tỉnh K, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

- Trả lại cho chị Đỗ Thị Ho: 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu Iphone X, màu trắng, dung lượng 64GB (số máy: MQAY2JA, số seri: F2LW92GYJCLL, máy đã qua sử dụng;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu Iphone 6 (màu trắng, dung lượng 16GB (số máy: MG482J/A, số seri: F78P8SS9G5MP, số Imel: 358374064544940), máy đã qua sử dụng.

Các vật chứng, tài sản nêu trên như được ghi tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19-02-2024 giữa Công an huyện Ngọc Hồi và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và

danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội);

Buộc bị cáo Lê Thanh H phải nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: *Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20-3-2024), bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người bị hại anh Nguyễn Văn Ú và chị Đỗ Thị Ho vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Phòng PV27 CA tỉnh KonTum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hành